

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUAN HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12-8-2020

V/v: Tranh chấp Ly hôn và  
nuôi con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Văn Hùng

2. Ông Nguyễn Văn Mừng

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Dụ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 05/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị D**, sinh năm 1996

Trú tại: Bản Thành Tân, xã Thành Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.  
Có mặt.

*Bị đơn:* Anh **Lò Văn L**, sinh năm 1992

Trú tại: Bản Pượn, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.  
Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/02/2020; Bản tự khai ngày 27/02/2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn Hà Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lò Văn L đã tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với tại bản

Phạm, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm, tuy nhiên đến cuối năm 2018 thì tình cảm vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống khác nhau, dẫn đến không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân và nuôi dạy con cái. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018. Hiện tại chị đã về nhà bố mẹ đẻ đẻ ở nhờ và hiện tại chị không có thai nghén. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái đã không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, để chị yên tâm làm ăn và nuôi dạy con cái.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, chị và anh Lò Văn L có 02 con chung, tên các cháu là: Lò Anh K, sinh ngày 21/4/2012 và cháu Lò Ánh V, sinh ngày 01/10/2014, hiện tại các cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực và các cháu đang ở với bố và ông bà nội. Nguyên vọng của chị là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Ánh V cho đến khi cháu trưởng thành, giao cháu Lò Anh K cho anh Lò Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành;

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

**Về phía bị đơn Lò Văn L:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập anh Lò Văn L để nộp bản tự khai, Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, nhưng anh Lò Văn L đều vắng mặt nên không có lời khai của anh Lò Văn L trong hồ sơ vụ án.

**Ý kiến của cháu Lò Anh K:** Tại bản nguyện vọng của cháu Lò Anh K đề ngày 05/02/2020, cháu trình bày: Hiện tại cháu đang ở với bố và ông bà nội, đang theo học tại trường Tiểu học xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, nếu bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu muốn được ở với bố và ông bà nội.

**Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:**

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn Lò Văn L từ khi thụ lý vụ án thì anh luôn có mặt tại địa phương, đến cuối tháng 4/2020 anh đi làm ăn xa, vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình và biết được việc cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập để làm việc. Hiện tại, anh đang có mặt tại địa phương nhưng cố tình trốn tránh

vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tiếp theo. Như vậy, Bị đơn đã không thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy: Vợ chồng chị D và anh L chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và từ đó vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh L có 02 con chung, tên các cháu là: Lò Anh K, sinh ngày 21/4/2012 và cháu Lò Ánh V, sinh ngày 01/10/2014, hiện tại các cháu đang phát triển bình thường về thể chất, trí lực và các cháu đang ở với bố và ông bà nội, cháu Lò Anh K có nguyện muốn được ở với bố, chị D cũng muốn để cháu K ở với bố; chị D có nguyện vọng muốn được nuôi dưỡng cháu Lò Ánh V cho đến khi cháu trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung nên chấp nhận, khi nào các đương sự có yêu cầu thì giải quyết ở một vụ án khác; Tài sản chung, nợ nần chung: Chị D không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 điều 210, điều 227, điều 228, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hà Thị D:

- Về Hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị D ly hôn với anh Lò Văn D.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lò Anh K, sinh ngày 21/4/2012 cho anh Lò Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Giao cháu Lò Ánh V, sinh ngày 01/10/2014 cho chị Hà Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Chị Hà Thị D và anh Lò Văn L đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Chị D và anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Hà Thị D tự nguyện chịu án phí, nên chị phải nộp 300.000<sup>d</sup> án phí theo quy định.

- Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

- Kiến nghị, đề nghị khác: Không.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Lò Văn L đang cư trú và sinh sống tại: Bản Pượn, xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ, xác minh cho các bên đương sự, cũng như VKS được biết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Lò Văn Luyệt không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Lò Văn L theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Lò Văn L đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh Luyệt đều không đến để tham gia hoà giải, nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Tại phiên tòa hôm nay, anh L đã được triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh Lò Văn L.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Hà Thị D là Nguyên đơn; anh Lò Văn L là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Anh Lò Văn L đã được thông báo thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập đến để viết bản tự khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã vắng mặt, khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa cũng đều vắng mặt, không có lý do. Qua xác minh tại địa phương, thì anh Lò Văn L vẫn có mặt tại địa phương, nhưng trốn tránh không tham gia tố tụng khi Tòa án triệu tập; đến tháng 4/2020 anh có đi làm ăn và vẫn về nhà để thăm con thường xuyên, chưa chuyển khẩu đi đâu; Hiện nay, theo báo cáo của chính quyền địa phương và gia đình anh L thì anh đang có mặt tại địa phương, nhưng đã lên nương rẫy của gia đình để ở và làm việc, anh đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án giải quyết nhưng anh vẫn cố tình trốn tránh, không hợp tác trong giải quyết vụ án cũng như việc tham gia phiên tòa. Do vậy,

Bị đơn chấp hành chưa tốt nghĩa vụ, không tham gia phiên tòa quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản xác định mâu thuẫn và tại phiên tòa thì: Chị Hà Thị D và anh Lò Văn L kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 20/11/2014 tại UBND xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật Hôn nhân và Gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài, đến cuối năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên hay xảy ra cãi vã và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, không còn tình cảm với nhau, không ai quan đến ai nữa và hiện tại chị không có thai nghén. Việc này đã được chính quyền xã Trung Sơn, huyện Quan Hóa xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay, chị Hà Thị D nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lò Văn L, HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị D và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Hà Thị D được ly hôn anh Lò Văn L.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Hà Thị D và anh Lò Văn L có 02 con chung, tên các cháu là Lò Anh K, sinh ngày 21/4/2012 và cháu Lò Ánh V, sinh ngày 01/10/2014, hiện tại các cháu đang ở với bố. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, các cháu đang ở với bố và ông bà nội, đồng thời cháu Lò Anh K có nguyện muốn được ở với bố, chị D cũng muốn để cháu K ở với bố, Tòa án cũng đã xác minh điều kiện sống hiện tại của cháu Kiệt thì được biết cháu đang sống tốt, học tập tốt, anh L vẫn có trách nhiệm với con và không bị cấm về quyền nuôi con; Cháu Lò Ánh V là con gái lại đang còn nhỏ cần phải có bàn tay của người mẹ chăm sóc sẽ tốt hơn cho cháu và chị cũng có nguyện vọng muốn được nuôi cháu Lò Ánh V, đồng thời cũng để chia sẻ trách nhiệm với nhau; Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày, cũng như sự phát triển của các cháu, nên chấp nhận yêu cầu của chị Hà Thị D, là giao cháu Lò Anh K cho anh Lò Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); Giao cháu Lò Ánh V cho chị Hà Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị D không yêu cầu cấp dưỡng, hơn nữa mỗi người đều nuôi một con chung, nên chị D và anh L không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D và anh L đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm. Anh chị đều có quyền yêu cầu đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi thấy cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Hà Thị D không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Hà Thị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 điều 210, điều 227, điều 228, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Điều 8, điều 9, khoản 1 điều 51, điều 56, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 điều 24, khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị D.

1.1. Về Hôn nhân: Cho Hà Thị D ly hôn với anh Lò Văn L.

1.2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lò Anh K, sinh ngày 21/4/2012 cho anh Lò Văn L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi); giao cháu Lò Ánh V, sinh ngày 01/10/2014 cho chị Hà Thị D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của chị Hà Thị D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Hà Thị D và anh Lò Văn L có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở. Vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, chị D và anh L đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, anh Lò Văn L phải giao cháu Lò Ánh V cho chị Hà Thị D.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Chị D không yêu cầu, nên không xét.

2. Về án phí: Chị Hà Thị D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/0004275 ngày 05/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt Nguyên đơn, vắng mặt Bị đơn. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND xã Trung Sơn, H. Quan Hóa;
- Nguyên đơn Hà Thị D;
- Bị đơn Lò Văn L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Tiến Dũng**

